

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Địa chỉ: Số 9, Phố Trần Thánh Tông, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/4/2017)
Ông Lê Tiến Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/4/2017)
Ông Lê Tiến Dũng	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/4/2017)
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/4/2017)
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Đức	Ủy viên
Ông Cao Minh Uyên	Ủy viên
Ông Chu Ngọc Sơn	Ủy viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Tuyết Sương	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Trí Dũng	Phó Tổng giám đốc

#### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**



**Lê Tiến Dũng**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017

12  
0  
H  
T  
V  
/





Số: 625 -17/BC-TC/BTC-VAE

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 7 năm 2017, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện các thủ tục phân tích và thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

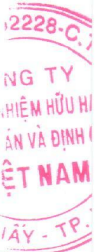
**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Dự án "Đầu tư XD nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO" trên TK 241 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị là 155.024.029.015 đồng đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ năm 2014 nhưng đến thời điểm 30/6/2017 vẫn chưa được Công ty xem xét để ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định và trích khấu hao. Bất kỳ sự điều chỉnh nào có liên quan đến sự kiện nêu trên cũng đều ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

Chúng tôi chưa được cung cấp Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 của Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá việc trích lập dự phòng (nếu có) của khoản đầu tư tài chính này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2017



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(tiếp theo)

và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Trần Quốc Tuấn**

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0148-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/6/2017	01/01/2017
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>115.141.518.405</b>	<b>104.010.515.305</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.774.009.596</b>	<b>546.917.160</b>
1 Tiền	111	V.1.	3.774.009.596	546.917.160
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>71.380.019.916</b>	<b>70.713.523.917</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	18.916.938.058	11.917.162.850
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	2.261.086.676	1.727.108.322
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	54.568.241.845	61.435.499.408
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.366.246.663)	(4.366.246.663)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7.</b>	<b>35.361.318.791</b>	<b>28.358.265.109</b>
1 Hàng tồn kho	141		35.361.318.791	28.358.265.109
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.626.170.102</b>	<b>4.391.809.119</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	444.901.936	497.389.348
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.990.495.673	3.703.647.278
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	190.772.493	190.772.493
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>454.093.746.316</b>	<b>347.005.991.746</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>110.000.000.000</b>	-
1 Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.5.</b>	110.000.000.000	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.329.512.205</b>	<b>81.818.089.089</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.11.	79.276.256.873	81.753.645.455
- Nguyên giá	222		117.544.375.493	117.544.375.493
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(38.268.118.620)	(35.790.730.038)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	53.255.332	64.443.634
- Nguyên giá	228		810.751.750	810.751.750
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(757.496.418)	(746.308.116)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8.</b>	<b>155.161.392.176</b>	<b>155.100.834.676</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		155.161.392.176	155.100.834.676
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.3.</b>	<b>94.040.000.000</b>	<b>94.040.000.000</b>
1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		94.040.000.000	94.040.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.562.841.935</b>	<b>16.047.067.981</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	15.562.841.935	16.047.067.981
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>569.235.264.721</b>	<b>451.016.507.051</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	01/01/2017
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>369.106.427.061</b>	<b>399.782.089.746</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>110.589.450.879</b>	<b>117.230.906.629</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	39.860.785.527	40.831.489.295
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	5.817.159.749	4.867.709.268
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	32.210.813.099	33.397.099.909
4 Phải trả người lao động	314		1.376.623.912	2.007.837.365
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	16.681.434.268	15.893.022.943
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	14.133.928.550	19.725.042.075
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		508.705.774	508.705.774
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>258.516.976.182</b>	<b>282.551.183.117</b>
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	152.551.397.870	174.335.604.805
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.	105.965.578.312	108.215.578.312
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>200.128.837.660</b>	<b>51.234.417.305</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17.</b>	<b>199.953.547.660</b>	<b>51.059.127.305</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	50.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	50.000.000.000
1.2 Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4.945.000.000	5.000.000.000
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		3.267.017.189	3.267.017.189
4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		249.948.734	249.948.734
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.508.418.263)	(7.457.838.618)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.457.838.618)	96.346.279
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.050.579.645)	(7.554.184.897)
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>175.290.000</b>	<b>175.290.000</b>
1 Nguồn kinh phí	431		175.290.000	175.290.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>569.235.264.721</b>	<b>451.016.507.051</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Minh Hương

Nguyễn Thị Diệu Thúy

Lê Tiên Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1.</b>	<b>69.038.749.413</b>	<b>49.770.748.444</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	502.428.531	483.274.967
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)</b>	<b>10</b>		<b>68.536.320.882</b>	<b>49.287.473.477</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	61.000.855.213	47.512.334.352
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>7.535.465.669</b>	<b>1.775.139.125</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	1.871.098.535	59.619.430
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	5.766.888.038	5.506.011.668
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			5.764.530.798	5.503.311.668
8 Chi phí bán hàng	25	VI.8.	1.710.200.926	1.257.415.136
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	5.595.282.987	4.870.863.608
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(3.665.807.747)</b>	<b>(9.799.531.857)</b>
11 Thu nhập khác	31	VI.6.	2.792.477.832	67.999.274
12 Chi phí khác	32	VI.7.	177.249.730	93.865.649
<b>13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.615.228.102</b>	<b>(25.866.375)</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.050.579.645)</b>	<b>(9.825.398.232)</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(1.050.579.645)</b>	<b>(9.825.398.232)</b>
<b>18 Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>(70,43)</b>	<b>(1.965,08)</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Người lập



**Đinh Thị Minh Hương**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Diệu Thúy**

Tổng Giám đốc



**Lê Tiến Dũng**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		60.780.988.840	46.489.357.854
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(60.209.998.623)	(36.086.325.829)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.349.310.667)	(6.158.568.554)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.740.703.798)	(5.492.258.068)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.245.275.413	4.365.904.649
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(135.362.212.650)	(4.517.411.185)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(139.635.961.485)</b>	<b>(1.399.301.133)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(445.557.500)	(165.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.149.724.946	57.512.430
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>704.167.446</b>	<b>(107.487.570)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		150.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		16.847.866.050	5.729.270.950
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(24.688.979.575)	(4.288.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>142.158.886.475</b>	<b>1.441.270.950</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.227.092.436</b>	<b>(65.517.753)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		546.917.160	863.896.786
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.774.009.596</b>	<b>798.379.033</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Tiến Dũng

Đinh Thị Minh Hương

Nguyễn Thị Diệu Thúy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 (gọi tắt là "Công ty") là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100109113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 03/03/2005. Công ty có mười ba (13) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 số 0103006888 ngày 19/4/2017 thì vốn điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 đồng** (Hai trăm tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại./.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; Kinh doanh: nguyên liệu làm thuốc, dược liệu hóa chất, tinh dầu, thuốc tân dược, thuốc Y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Kinh doanh: máy móc thiết bị y tế; máy móc, thiết bị, bao bì phục vụ sản xuất thuốc tân dược, thuốc Y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ môi giới đầu tư, môi giới thương mại);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu ( Tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực dược);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà cửa, văn phòng, kho tàng, bến bãi);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng cá nhân và gia đình);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Ủy thác xuất nhập khẩu)/.

Trụ sở Công ty: Số 9, Phố Trần Thánh Tông, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An và Công ty CP Y dược Việt Nam phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Tại thời điểm 30/6/2017, Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tại thời điểm 30/6/2017, Công ty chưa xem xét trích lập bổ sung Dự phòng phải thu khó đòi.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản khác	03 - 10

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Phần mềm máy tính	4

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư Xây dựng dự án "Đầu tư XD nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO" và các công trình khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là quyền sử dụng đất có thời hạn, chi phí thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp và giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước.

Quyền sử dụng đất có thời hạn, chi phí thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ và chi phí thử tương sinh học được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay phát trả, thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Khoản vay của Công ty bao gồm vay Ngân hàng và vay cá nhân được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá... phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**17.1 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành, với mức thuế suất áp dụng là 5% và 10% đối với hoạt động bán các sản phẩm và hàng hóa.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành của Nhà nước.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

**1. Tiền**

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>411.500.300</b>	<b>240.479.066</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>3.362.509.296</b>	<b>306.438.094</b>
Tiền VND	2.351.450.581	275.252.950
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	2.270.153.140	256.681.412
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	1.648.054	1.648.054
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Hà Nội	67.158.825	3.667.325
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch	2.979.126	2.979.126
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình	1.752.644	2.518.241
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Thăng Long - PGD Ấu Cơ	1.826.037	1.826.037
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồng Hà	5.932.755	5.932.755
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	64.125	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	979.809.446	-
Tiền USD	31.185.144	31.185.144
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	25.600.301	25.600.301
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình	5.584.843	5.584.843
<b>Cộng</b>	<b>3.774.009.596</b>	<b>546.917.160</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	30/6/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tổng Công ty Dược Việt Nam	735.517.440	-	1.582.732.578	-
Công ty CP Dược phẩm Trung ương Codupha	2.325.921.839	-	1.776.937.243	-
Nhà thuốc tư nhân Vinh Quang	4.767.549.270	-	2.725.541.429	-
Công ty TNHH Reliv Pharma	1.993.992.960	-	-	-
Các đối tượng khác	9.093.956.549	159.071.765	5.831.951.600	159.071.765
<b>Cộng</b>	<b>18.916.938.058</b>	<b>159.071.765</b>	<b>11.917.162.850</b>	<b>159.071.765</b>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Số 9, Phố Trần Thánh Tông, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017  
đến ngày 30/6/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý	Giá gốc
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An (i)	93.960.000.000	-	93.960.000.000	93.960.000.000
Công ty CP Y Dược Việt Nam	80.000.000	-	80.000.000	80.000.000
<b>Cộng</b>	<b>94.040.000.000</b>	<b>-</b>	<b>94.040.000.000</b>	<b>94.040.000.000</b>

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTĐT ngày 28/12/2007 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 với Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Đất Việt để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An. Giá trị hợp lý được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng tại ngày 30/6/2017. Do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 của Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An và Công ty CP Y Dược Việt Nam nên không có khoản dự phòng được xem xét trích lập, vì vậy giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên đang được ghi nhận bằng giá gốc.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**4. Trả trước cho người bán**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Dịch vụ đầu tư	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Thiết bị vật tư khoa học kỹ thuật và Du lịch Trung Sơn	409.200.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng và Cơ điện công trình	250.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại đầu tư và Xuất nhập khẩu Hùng Phát	82.676.000	-
Các đối tượng khác	519.210.676	727.108.322
<b>Cộng</b>	<b>2.261.086.676</b>	<b>1.727.108.322</b>

**5. Phải thu khác**

	30/6/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	610.111.008	-	422.740.008	-
Trần Thị Phương Lan	191.360.000	-	-	-
Phạm Minh Lễ	98.254.675	-	98.254.675	-
Liên Anh	70.000.000	-	70.000.000	-
Vũ Thị Thu Hằng	41.302.000	-	41.302.000	-
Hoàng Hùng	62.000.000	-	62.000.000	-
Các đối tượng khác	147.194.333	-	151.183.333	-
Ký quỹ, ký cược	582.376.628	-	270.175.639	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	582.119.926	-	269.918.937	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ba Đình	256.702	-	256.702	-
Phải thu khác	53.375.754.209	4.207.174.898	60.742.583.761	4.207.174.898
Công ty TNHH Phát triển Việt Hiền (i)	21.372.007.821	-	27.669.953.982	-
Công ty CP Đầu tư phát triển Bình An (ii)	26.925.729.882	-	26.925.729.882	-
Trần Bảo Cương	2.320.000.000	2.265.000.000	2.345.000.000	2.265.000.000
Đối tượng khác	2.758.016.506	1.942.174.898	3.801.899.897	1.942.174.898
<b>b) Dài hạn</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu khác	110.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh (iii)	110.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>164.568.241.845</b>	<b>4.207.174.898</b>	<b>61.435.499.408</b>	<b>4.207.174.898</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

- (i) Là khoản phải thu lại số tiền đã ứng trước và lãi của số tiền ứng trước để mua vật tư theo hợp đồng số 16/KHCU-DPTU2 ngày 06/10/2011 với Công ty TNHH Phát triển Việt Hiền.
- (ii) Là số tiền phải thu của Công ty CP Đầu tư phát triển Bình An thuê đất của Công ty tại số 9 Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội từ tháng 10/2012 đến 31/12/2015 theo Biên bản bàn giao mặt bằng số 521 ngày 1/10/2012 và phụ lục 1 số 525 ngày 3/10/2012.
- (iii) Là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/2017NM-DTW2-VH ngày 10/5/2017 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở thấp tầng Đại Mỹ tại Đại Mỹ, Nam Từ Liêm, Hà Nội và Dự án Trung tâm văn phòng cho thuê tại số 15 Thê Giao, Hai Bà Trưng, Hà Nội với tổng vốn đầu tư xây dựng hai Dự án trên là 170.000.000.000 đồng. Theo thỏa thuận góp vốn ngày 10/5/2017 giữa Công ty TNHH Phát triển Việt Hiền, Công ty CP Dược phẩm trung ương 2 và Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh - CN Hà Nội. Trong đó, Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 chiếm 65% tổng vốn đầu tư, Công ty TNHH Sản xuất Nhật Minh chiếm 25% tổng vốn đầu tư, Công ty TNHH Phát triển Việt Hiền chiếm 10% tổng vốn đầu tư.

**6. Nợ xấu**

	30/6/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng</b>				
Trần Bảo Cương	2.320.000.000	55.000.000	2.345.000.000	80.000.000
Nguyễn chí Dũng	339.952.000	75.235.000	339.952.000	75.235.000
Vũ Huy Sơn	937.506.898	-	937.506.898	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Nam Á	81.568.705	-	81.568.705	-
Các đối tượng khác	817.454.060	-	817.454.060	-
<b>Cộng</b>	<b>4.496.481.663</b>	<b>130.235.000</b>	<b>4.521.481.663</b>	<b>155.235.000</b>

**7. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.638.471.252	-	10.820.589.494	-
Công cụ, dụng cụ	100.797.789	-	142.674.440	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.278.633.723	-	7.729.277.285	-
Thành phẩm	10.643.416.027	-	9.665.723.890	-
Hàng hóa	700.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.361.318.791</b>	<b>-</b>	<b>28.358.265.109</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Dự án "Đầu tư XD nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO"	155.024.029.015	155.024.029.015
Công trình tại Vĩnh Tuy	76.805.661	76.805.661
Dự án dây chuyền Cao Xoa	60.557.500	-
<b>Cộng</b>	<b>155.161.392.176</b>	<b>155.100.834.676</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2017	810.751.750	810.751.750
Số dư ngày 30/6/2017	810.751.750	810.751.750
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2017	746.308.116	746.308.116
Khấu hao trong kỳ	11.188.302	11.188.302
Số dư ngày 30/6/2017	757.496.418	757.496.418
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	64.443.634	64.443.634
Tại ngày 30/6/2017	53.255.332	53.255.332

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 698.868.750 đồng (Tại ngày 31/12/2016 là 698.868.750 đồng).

**10. Chi phí trả trước**

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>444.901.936</b>	<b>497.389.348</b>
Chi phí nghiên cứu chờ phân bổ	189.770.301	194.546.683
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	255.131.635	302.842.665
<b>b) Dài hạn</b>	<b>15.562.841.935</b>	<b>16.047.067.981</b>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	10.654.054.056	10.800.000.000
Chi phí thuê đất và hạ tầng KCN	4.351.939.281	4.409.708.385
Chi phí kiểm toán xây dựng	17.166.064	42.915.154
Chi phí thử tương sinh học	539.682.534	794.444.442
<b>Cộng</b>	<b>16.007.743.871</b>	<b>16.544.457.329</b>

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Số 9, Phố Trần Thánh Tông, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017  
đến ngày 30/6/2017**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư ngày 01/01/2017	56.535.267.583	56.486.260.015	2.848.670.997	970.380.534	703.796.364	117.544.375.493	
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 30/6/2017	56.535.267.583	56.486.260.015	2.848.670.997	970.380.534	703.796.364	117.544.375.493	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư ngày 01/01/2017	6.300.817.921	26.490.635.087	2.153.683.963	605.129.297	240.463.770	35.790.730.038	
Khấu hao trong kỳ	1.036.826.742	1.308.490.368	59.761.860	37.119.792	35.189.820	2.477.388.582	
Số dư ngày 30/6/2017	7.337.644.663	27.799.125.455	2.213.445.823	642.249.089	275.653.590	38.268.118.620	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày 01/01/2017	50.234.449.662	29.995.624.928	694.987.034	365.251.237	463.332.594	81.753.645.455	
Tại ngày 30/6/2017	49.197.622.920	28.687.134.560	635.225.174	328.131.445	428.142.774	79.276.256.873	

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.927.088.882 đồng (Tại ngày 31/12/2016 là 20.927.088.882 đồng)



**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Số 9, Phố Trần Thánh Tông, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017  
đến ngày 30/6/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	6/30/2017		Trong kỳ		1/1/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>14.133.928.550</b>	<b>14.133.928.550</b>	<b>18.347.866.050</b>	<b>23.938.979.575</b>	<b>19.725.042.075</b>	<b>19.725.042.075</b>	
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>12.633.928.550</i>	<i>12.633.928.550</i>	<i>16.847.866.050</i>	<i>23.938.979.575</i>	<i>19.725.042.075</i>	<i>19.725.042.075</i>	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	-	-	1.141.320.505	1.141.320.505	1.141.320.505	
- CN Sở giao dịch 1							
Vay cá nhân (ii)	12.633.928.550	12.633.928.550	16.847.866.050	22.797.659.070	18.583.721.570	18.583.721.570	
Vũ Thị Nhung	-	-	-	4.105.000.000	4.105.000.000	4.105.000.000	
Nguyễn Thị Bích Thủy	1.620.000.000	1.620.000.000	2.390.000.000	1.633.000.000	863.000.000	863.000.000	
Nguyễn Ái Nguyệt	500.000.000	500.000.000	566.137.500	2.471.137.500	2.405.000.000	2.405.000.000	
Vũ Minh Hải	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000	
Nguyễn Mạnh Phong	1.500.000.000	1.500.000.000	2.200.000.000	1.500.000.000	800.000.000	800.000.000	
Lê Tiến Dũng	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	
Các đối tượng khác	7.163.928.550	7.163.928.550	9.841.728.550	10.638.521.570	7.960.721.570	7.960.721.570	
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	-	
- CN Sở giao dịch 1 (i)							
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>105.965.578.312</b>	<b>105.965.578.312</b>	<b>-</b>	<b>2.250.000.000</b>	<b>108.215.578.312</b>	<b>108.215.578.312</b>	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	105.965.578.312	105.965.578.312	-	2.250.000.000	108.215.578.312	108.215.578.312	
- CN Sở giao dịch 1 (i)							
<b>Cộng</b>	<b>120.099.506.862</b>	<b>120.099.506.862</b>	<b>18.347.866.050</b>	<b>26.188.979.575</b>	<b>127.940.620.387</b>	<b>127.940.620.387</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng số 02/2007/HĐTD ngày 15/11/2007, hợp đồng sửa đổi số 09.02.2007/HĐTDSĐ - NHPT.SGDI ngày 31/3/2016 và hợp đồng sửa đổi số 10.02.2007/2017/HĐTDSĐ - NHPT.SGDI ngày 01/3/2017 để đầu tư mua sắm thiết bị và lắp đặt phục vụ dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược đạt tiêu chuẩn GMP-WHO". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền trên đất của Công ty tại KCN Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, lãi suất vay 9%/năm, thời hạn vay 10 năm.

(ii) Khoản vay cán bộ nhân viên trong Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,4%/năm, thời gian vay dưới 12 tháng.

**13. Phải trả người bán**

	30/6/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Hợp tác kinh tế kỹ thuật quốc tế Vân Sơn	12.377.272.327	12.377.272.327	12.377.272.327	12.377.272.327
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	460.517.360	460.517.360	5.560.067.445	5.560.067.445
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức	3.595.234.920	3.595.234.920	3.595.234.920	3.595.234.920
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	2.386.167.000	2.386.167.000	2.093.004.000	2.093.004.000
Các đối tượng khác	21.041.593.920	21.041.593.920	17.205.910.603	17.205.910.603
<b>Cộng</b>	<b>39.860.785.527</b>	<b>39.860.785.527</b>	<b>40.831.489.295</b>	<b>40.831.489.295</b>

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**14. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Quỹ 419 HAPU	557.946.696	634.725.070
Công ty CP Dược phẩm Green	733.199.999	733.199.999
Công ty CP Dược phẩm Hướng Việt	-	1.358.166.105
Công ty CP Dược API	609.197.320	609.197.320
Công ty TNHH Thương mại Dược - Mỹ phẩm Trường Giang	715.498.049	-
Công ty TNHH Dược phẩm Xuân Anh	1.005.214.456	-
Các đối tượng khác	2.196.103.229	1.532.420.774
<b>Cộng</b>	<b>5.817.159.749</b>	<b>4.867.709.268</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/6/2017
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế xuất nhập khẩu	-	292.043.780	292.043.780	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.506.180	111.568.851	109.426.951	12.648.080
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	33.386.593.729	-	1.188.428.710	32.198.165.019
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>33.397.099.909</b>	<b>407.612.631</b>	<b>1.593.899.441</b>	<b>32.210.813.099</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng NK	121.762.368	1.339.523.056	1.339.523.056	121.762.368
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.010.125	-	-	69.010.125
<b>Cộng</b>	<b>190.772.493</b>	<b>1.339.523.056</b>	<b>1.339.523.056</b>	<b>190.772.493</b>

**16. Phải trả khác**

	6/30/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.681.434.268</b>	<b>15.893.022.943</b>
Kinh phí công đoàn	456.324.159	361.060.614
Bảo hiểm xã hội	1.962.883.113	332.091.583
Bảo hiểm y tế	327.622.867	47.823.051
Bảo hiểm thất nghiệp	145.319.090	21.074.280
Phải trả về cổ phần hóa	-	571.550.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	13.789.285.039	14.559.423.415
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (i)	5.417.927.164	5.417.927.164
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	600.000.000	1.200.000.000
Các đối tượng khác	7.771.357.875	7.941.496.251
<b>b) Dài hạn</b>	<b>152.551.397.870</b>	<b>174.335.604.805</b>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (i)	40.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	18.591.397.870	20.375.604.805
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An (iii)	93.960.000.000	93.960.000.000
<b>Cộng</b>	<b>169.232.832.138</b>	<b>190.228.627.748</b>

(i) Khoản phải trả Tổng Công ty Dược Việt Nam là khoản phải trả của các hợp đồng số 515/2013/TCTD-HDHTKD ngày 24/07/2013 (với giá trị 20 tỷ đồng); hợp đồng hợp tác số 44/2014/TCTD-HDHTKD ngày 27/01/2014 (với giá trị 10 tỷ đồng) và hợp đồng số 267/2014/TCTD-HDHTKD ngày 16/05/2014 (với giá trị 10 tỷ đồng); phải trả về lợi nhuận hợp tác kinh doanh (với giá trị 3,64 tỷ đồng) và cổ tức phải trả (với giá trị 1.777.927.164 đồng).

(ii) Là khoản lãi chậm trả, lãi phạt chậm trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay số 02/2007/HĐTD ngày 15/11/2007. Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi số 09.02.2007/2015/HĐTDSĐ-NHPT.SGDI ngày 31/3/2016 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch, Số lãi đến hạn trả nhưng chưa trả đến ngày 30/6/2017 là 19.191.397.870 đồng được phân bổ trả trong 3 năm từ năm 2007 đến năm 2009.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

(iii) Là khoản vay của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình An để đầu tư lại vào chính Công ty này.

*c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***17. Vốn chủ sở hữu****17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2016</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>96.346.279</b>	<b>55.096.346.279</b>
Lỗi trong năm trước	-	-	(7.554.184.897)	(7.554.184.897)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>(7.457.838.618)</b>	<b>47.542.161.382</b>
Tăng vốn trong kỳ này	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000
Lỗi trong kỳ này	-	-	(1.050.579.645)	(1.050.579.645)
Giảm khác (i)	-	(55.000.000)	-	(55.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2017</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>4.945.000.000</b>	<b>(8.508.418.263)</b>	<b>196.436.581.737</b>

(i) Giảm khác là các chi phí phát hành cổ phiếu mới.

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	12.750.000.000	12.750.000.000
Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt	24.748.000.000	24.748.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Sài Gòn	150.000.000.000	-
Cổ đông khác	12.502.000.000	12.502.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	150.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**17.4 Cổ phiếu**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng	-	-

**17.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2017	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/6/2017
Quỹ đầu tư phát triển	3.267.017.189	-	-	3.267.017.189
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	249.948.734	-	-	249.948.734
<b>Cộng</b>	<b>3.516.965.923</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.516.965.923</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	30/6/2017	01/01/2017
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
USD	1.373,19	1.373,19

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
	VND	VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	3.371.540.808	4.335.253.604
Doanh thu bán thành phẩm	65.667.208.605	45.435.494.840
<b>Cộng</b>	<b>69.038.749.413</b>	<b>49.770.748.444</b>
<i>b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2</i>		
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/01/2016</b>
	<b>đến 30/6/2017</b>	<b>đến 30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu thương mại	490.967.617	483.274.967
Hàng bán bị trả lại	11.460.914	-
<b>Cộng</b>	<b>502.428.531</b>	<b>483.274.967</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.305.898.924	4.155.810.496
Giá vốn thành phẩm đã bán	57.694.956.289	43.356.523.856
<b>Cộng</b>	<b>61.000.855.213</b>	<b>47.512.334.352</b>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.149.724.946	5.512.430
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	52.000.000
Lãi chậm trả	702.053.839	-
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	19.319.750	2.107.000
<b>Cộng</b>	<b>1.871.098.535</b>	<b>59.619.430</b>
5. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.764.530.798	5.503.311.668
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.357.240	2.700.000
<b>Cộng</b>	<b>5.766.888.038</b>	<b>5.506.011.668</b>
6. Thu nhập khác	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
	VND	VND
Thu nhập từ gia công tuýp thuốc	265.004.274	8.657.700
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.483	1.574
Thu nhập từ xóa nợ	1.784.206.935	-
Thu nhập từ nợ phải trả nhưng không phải trả	691.095.319	-
Tiền cho thuê kho	-	59.340.000
Thu nhập khác	52.169.821	-
<b>Cộng</b>	<b>2.792.477.832</b>	<b>67.999.274</b>
7. Chi phí khác	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
	VND	VND
Chi phí phạt chậm nộp thuế	9.164.907	3.939
Thanh lý, hủy vật tư hỏng	166.674.587	36.411.401
Chi phí tiêu hao khí xuất vật tư	1.410.066	577.309
Chi chậm nộp bảo hiểm	-	35.107.966
Xử lý số dư nhỏ lẻ	170	1.034
Chi phí khác	-	21.764.000
<b>Cộng</b>	<b>177.249.730</b>	<b>93.865.649</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>5.595.282.987</b>	<b>4.870.863.608</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.843.820.644	1.774.962.578
Chi phí đồ dùng văn phòng	145.575.775	679.768.785
Chi phí khấu hao TSCĐ	333.451.122	410.189.106
Thuế, phí và lệ phí	98.226.930	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.440.061	43.177.715
Chi phí bằng tiền khác	3.143.768.455	1.958.765.424
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>1.710.200.926</b>	<b>1.257.415.136</b>
Chi phí nhân viên	1.318.701.561	830.830.196
Chi phí vật liệu, bao bì	-	76.215.630
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.474.588	-
Chi phí bằng tiền khác	373.024.777	350.369.310
<b>Cộng</b>	<b>7.305.483.913</b>	<b>6.128.278.744</b>
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.778.857.392	36.226.285.604
Chi phí nhân công	9.000.990.029	6.512.953.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.488.576.884	2.535.931.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	427.094.696	1.329.279.759
Chi phí bằng tiền khác	4.038.321.399	3.306.982.312
<b>Cộng</b>	<b>67.733.840.400</b>	<b>49.911.432.729</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND</b>
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	73.199.897.249	49.415.092.181
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	73.199.897.249	49.415.092.181
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	74.250.476.894	59.240.490.413
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	74.241.311.987	59.240.486.474
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	9.164.907	3.939
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.041.414.738)	(9.825.394.293)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**11. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.050.579.645)	(9.825.398.232)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.050.579.645)	(9.825.398.232)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.916.667	5.000.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(70,43)	(1.965,08)

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
<b>1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</b>		
Phân loại từ vay dài hạn sang vay ngắn hạn	1.500.000.000	-
<b>2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	16.847.866.050	5.729.270.950
<b>3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	24.688.979.575	4.288.000.000

**VIII Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Đất Việt  
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP  
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bình An

**Mối quan hệ**

Cổ đông  
Cổ đông  
Đơn vị nhận vốn góp



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Mua hàng	-	350.000.000
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	-	350.000.000
Bán hàng	349.829.440	-
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	349.829.440	-

**Số dư với các bên liên quan**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải thu khách hàng	735.517.440	1.582.732.578
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	735.517.440	1.582.732.578
Các khoản phải thu khác	26.925.729.882	26.925.729.882
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bình An	26.925.729.882	26.925.729.882
Các khoản phải trả người bán	460.517.360	5.560.067.445
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	460.517.360	5.560.067.445
Các khoản phải trả, phải nộp khác	139.377.927.164	159.377.927.164
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	45.417.927.164	65.417.927.164
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bình An	93.960.000.000	93.960.000.000

**Thu nhập của Ban Tổng giám đốc**

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lương	539.920.682	317.917.661
<b>Cộng</b>	<b>539.920.682</b>	<b>317.917.661</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 do Công ty lập và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017  
**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2**

Người lập



**Đinh Thị Minh Hương**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Diệu Thúy**

Tổng Giám đốc



**Lê Tiến Dũng**